

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 01- 2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Quốc Phòng, ông Nguyễn Văn Thề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Loan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Đinh Huy Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị H, sinh năm 1983; nơi ĐKNKTT: Thôn A, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam, vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* Anh Võ Thanh B, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn A, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bày: Chị và anh Võ Thanh B đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D (nay là xã T, thị xã D), tỉnh Hà Nam vào ngày 15/12/2001 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu đi đến xây dựng hạnh phúc.

Sau ngày cưới vợ chồng chị về chung sống hoà thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong sinh hoạt hàng ngày cũng như làm ăn kinh tế nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mâu thuẫn càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Vợ chồng chị sống

ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn này xin được giải quyết ly hôn với anh B.

Về phía bị đơn anh Võ Thanh B: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh B đã nhận được thông báo thụ lý vụ án cũng như giấy triệu tập đương sự của Tòa án để anh B biết đến Tòa án làm việc về yêu cầu xin ly hôn của chị H. Tại buổi làm việc ngày 05/12/2024 tại xã T, anh B trình bày quan điểm: Về điều kiện, thủ tục đăng ký kết hôn như chị H trình bày như trên. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do phát sinh mâu thuẫn nhỏ nhặt trong sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng không cãi cọ hay chửi bới nhau nhưng chị H lại tự ý bỏ đi thuê trọ rồi chuyển về nhà bố mẹ để ở, anh đã khuyên bảo chị về đoàn tụ, nuôi dạy con chung nhưng chị H không về và vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay không ai quan tâm tới ai. Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung của vợ chồng: Vợ chồng chị H, anh B có 03 con chung là các cháu Võ Thị Diệp L, sinh năm 2002, Võ Thị Như Q, sinh ngày 05/9/2005 và cháu Võ Thành Đ, sinh ngày 11/4/2014. Khi ly hôn chị H, anh B có quan điểm: Cháu L, cháu Q đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được nên không đề nghị Toà án giải quyết. Còn cháu Đ hiện đang ở với anh B, chị H, anh B đều xin nuôi cháu và không yêu cầu phía bên kia cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo kết quả xác minh, đại diện chính quyền địa phương cho biết: Anh Võ Thanh B hiện có hộ khẩu và đang sinh sống tại thôn A, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Thời gian quan địa phương có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, đã liên hệ để tổng đạt cho anh B để nhận Thông báo thụ lý vụ án, anh B từ chối nhận và không ký vào biên bản giao nhận ký nhận mặc dù biết được yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H. Chị H và anh B đăng ký kết hôn hợp pháp tại xã T, huyện D (nay là xã T, thị xã D), tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, về nguyên nhân cụ thể địa phương không nắm rõ nhưng hiện tại được biết chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, không còn chung sống với anh B nữa. Vợ chồng chị H, anh B có 03 con chung là các cháu Võ Thị Diệp L, sinh năm 2002, Võ Thị Như Q, sinh ngày 05/9/2005 và cháu Võ Thành Đ, sinh ngày 11/4/2014. Cháu L, cháu Q đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được, còn cháu Đ từ ngày vợ chồng sống ly thân, cháu Đ đang sống cùng anh B. Hiện anh B đang làm nghề sắt tự do, có cửa hàng, thu nhập đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Đ, cháu Đ hiện đang theo học lớp 5 Trường tiểu học xã T, cháu phát triển bình thường, khoẻ mạnh. Nay chị H xin ly hôn anh B đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Tại phiên toà: Chị H có đơn xin xử vắng mặt, anh B có mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày như trên.

Tại phiên toà: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người

tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; **Điều 227; Điều 228** Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H. Xử lý hôn giữa chị Đinh Thị H và anh Võ Thanh B. Về con chung: Giao cháu Võ Thành Đ, sinh ngày 11/4/2014 cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 01 năm 2025 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H, anh B được quyền thăm hỏi, chăm sóc và giáo dục con. Đối với các cháu Võ Thị Diệp L, sinh năm 2002, Võ Thị Như Q, sinh ngày 05/9/2005 đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đinh Thị H phải chịu theo luật định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt chị Đinh Thị H, chị H đã có Đơn xin xử vắng mặt. HĐXX căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị H và anh Võ Thanh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã T, huyện D (nay là xã T, thị xã D), tỉnh Hà Nam đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/2001 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo hộ.

Theo chị Đinh Thị H trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong sinh hoạt hàng ngày nên dẫn đến mâu thuẫn không thể hàn gắn, không quan tâm đến nhau và sống ly thân từ khoảng tháng 04 năm 2023 đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ thông báo thụ lý cho anh Võ Thanh B, mặc dù ngày 05/12/2024 Toà án đã lấy lời khai để anh B thể hiện quan điểm của mình. Sau khi anh B trình bày quan điểm nhưng sau khi thông qua lời khai, anh B không ký biên bản. Toà án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ cho vợ chồng nhưng anh B không đến làm việc, tại phiên toà chị H vắng mặt, anh B có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ cho chị H và anh B được. Nay chị H xin ly hôn, anh B không đồng ý ly hôn nhưng từ thời điểm vợ chồng sống ly thân đến nay các đương sự không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tồn tại, vợ chồng vẫn sống ly thân từ khoảng tháng 4 năm 2023 đến nay không còn quan tâm đến nhau.

Nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng vì vậy cần xử lý hôn giữa chị H và anh B là phù hợp thực tế và có căn cứ pháp luật tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị H, anh B có 03 con chung là các cháu Võ Thị Diệp L, sinh năm 2002, Võ Thị Như Q, sinh ngày 05/9/2005 và cháu Võ Thành Đ, sinh ngày 11/4/2014. Khi ly hôn chị H, anh B có quan điểm: Cháu L, cháu Q đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được, còn đối với cháu Đ, khi ly hôn chị H, anh B đều có nguyện vọng xin nuôi cháu và không yêu cầu phía bên kia cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy nguyện vọng xin nuôi con chung của chị H, anh B đều là chính đáng và hợp pháp, tuy nhiên từ thời điểm sống ly thân cháu Đ đang ở với anh B nên căn cứ vào tình hình thực tế, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, để đảm bảo sự ổn định cuộc sống, tránh xáo trộn nên khi ly hôn cần giao cháu Võ Thành Đ, sinh ngày 11/4/2014 cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 01 năm 2025 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H, anh B được quyền thăm hỏi, chăm sóc và giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 28; 35; 39; 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình;
- Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Đinh Thị H và anh Võ Thanh B.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thành Đ, sinh ngày 11/4/2014 cho anh Võ Thanh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 01 năm 2025 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H, anh B được quyền thăm hỏi, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Anh B và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Đối với các cháu Võ Thị Diệp L, sinh năm 2002, Võ Thị Như Q, sinh ngày 05/9/2005 đã 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được nên chị H, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai số 0001200 ngày 21/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên được đối trừ khi thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm; đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam.
- VKSND thị xã Duy Tiên.
- Chi cục THA thị xã Duy Tiên.
- UBND xã Tiên Sơn.
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tươi